TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2018/DS-PT
Ngày: 13 - 4 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Tiến;

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan;

Bà Phạm Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Anh Tuấn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLPT- DS, ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp đòi lại quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2018/QĐ-PT ngày 09/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Quang S, sinh năm 1962 *(Có mặt).*

Trú tại: Số nhà 12, đường Q, tổ 9, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Nguyệt M, sinh năm 1973 *(Có mặt).*

Trú tại: Số nhà 16, đường Q, tổ 9, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hoài N *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)* và Luật sư Lê Thị Trà M *(Có mặt),* thuộc Công ty luật hợp danh T, Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ N, sinh năm 1969 *(Có mặt);*

Trú tại: Thôn 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1986 *(Có mặt);*

Trú tại: Số nhà 16, đường Q, tổ 9, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1975 *(Có mặt);*

Trú tại: Tổ 10, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Hồ Thị Hải V, sinh năm 1970 *(Có mặt);*

Trú tại: Hẻm 35, đường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Dương Thị Kim C, sinh năm 1965 *(Có mặt);*

Trú tại: Tổ 12, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bà Dương Thị Chi M, sinh năm 1954 *(Có mặt);*

Trú tại: Tổ 19, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Ông Hồ Hải Viễn D, sinh năm 1972 *(Có mặt);*

Trú tại: Đội 5, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1943 *(Có mặt);*

Trú tại: Số nhà 12, đường Q, tổ 9, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Lê Hồng T, sinh năm 1956 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

10. Dương Thị Ngọc T, sinh năm 1957 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

11. Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1990 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

Cùng trú tại: Số nhà 14, đường Q, tổ 9, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

12. Cháu Lê Hồ Anh K, sinh ngày 24/01/2005;

13. Cháu Lê Tuyết N, sinh ngày 14/02/2008.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Lê Hồ Anh K và cháu Lê Tuyết N: Bà Hồ Thị Nguyệt M, sinh năm 1973 (mẹ đẻ) *(Có mặt);*

Cùng trú tại: Số nhà 16, đường Q, tổ 9, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ông Dương Quang S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2014, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Quang S khai:

Nguồn gốc đất tại nhà số 16 đường Q, thành phố Q hiện nay bà Hồ Thị Nguyệt M đang quản lý, sử dụng được xây dựng trên thửa đất của ông cố ông tên Dương T (P) mua của ông D và D1. Sau khi ông cố qua đời giao lại cho ông bà nội ông là Dương Minh C (chết năm 1988) và bà Nguyễn Thị R (chết năm 2001) quản lý, sử dụng. Ông nội ông đi tập kết nên để lại nhà này cho bà nội ông quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng ông bà. Năm 1989 do nhà bị xuống cấp, hư hỏng và vi phạm Nghị định 203 của Hội đồng Bộ trưởng nên phải tháo dỡ trả lại mặt bằng để nhà nước mở rộng đường Q, thành phố Q. Vì điều kiện kinh tế gia đình bà nội ông khó khăn, không có tiền để làm lại nhà mới và sau khi tháo dỡ nhà giao đất cho Nhà nước thì đất còn lại phía sau quá hẹp, nên vào ngày 01-4-1989 tại UBND phường L, thị xã Q (nay là thành phố Q) tiến hành lập biên bản giải quyết việc thỏa thuận giữa bà nội ông, gia đình bà Nguyễn Thị K (là em dâu của bà nội ông có nhà ở phía sau nhà bà nội ông) và ông thỏa thuận: Cả hai nhà (kể cả sân trước nhà bà K) khi tháo dỡ đều chia làm 03 phần (03 thửa) có diện tích tương đương gần 60m^2, bà Nguyễn Thị R nhận 02 phần (4×15)×2 = 120m^2 phía Nam, Bà K nhận 01 phần ở phía Bắc 60m^2 (4×15). Biên bản này có sự tham gia của bà Dương Thị H, Dương Thị T (con gái bà R), bà Dương Thị Ngọc T (con gái bà K).

Sau khi bà R nhận 02 thửa đất trên, ông đã đứng ra bán một thửa đất phía Nam và dùng toàn bộ số tiền bán đất để xây dựng một căn nhà có mặt tiền đường Q nằm trong thửa đất của tộc họ Dương. Ông ngăn căn nhà này ra làm hai, một bên để bà R ở là nhà số 16 Q như hiện nay, còn một bên để cho bà K và bà Dương Thị M ở là nhà số 14 Q (hiện nay bà Dương Thị Ngọc T đang ở). Bà R ở trong ngôi nhà số 16 Q cùng với bà Dương Thị H, bà Dương Thị T và các con của bà H, bà T. Ông không ở chung với bà R trong nhà này mà xây một ngôi nhà riêng ở cũng nằm trong thửa đất của tộc họ Dương hiện nay là nhà số 12 Q. Sau khi bà R chết, lợi dụng lúc bà Dương Thị H đau ốm, bà Hồ Thị Nguyệt M

(con bà H) đang ở phía chồng về chăm sóc bà H, một thời gian bà H chết thì bà M chiếm ở luôn ngôi nhà này cho đến nay.

Theo giấy ưng thuận ngày 12-4-1969 thì tộc họ Dương đã đồng ý để lại nhà và thửa đất của ông cố ông là Dương T (P) cho Phạm Thị D (là mẹ đẻ của ông), sau này bà D chỉ được quyền giao lại đất và ngôi nhà cho ông là Dương Quang S và Dương Thị Ngọc S (em gái của ông đã chết năm 1972).

Nay ông yêu cầu bà Hồ Thị Nguyệt M phải trả lại ngôi nhà, đất tại số 16 đường Q, thành phố Q để ông thờ cúng ông bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Hồ Thị Nguyệt M khai:

Bà gọi bà Nguyễn Thị R bằng bà ngoại, ông Dương Quang S gọi bà R bằng bà nội. Bà Nguyễn Thị R (chết năm 2001) có chồng tên Dương Minh C (chết năm 1988) có 05 người con: Ông Dương Quang T (chết năm 1968) là cha của ông Dương Quang S; Dương Thị H (chết năm 2012) là mẹ của bà; Dương Thị T (chết năm 1997) là mẹ của bà Lê Thị Thanh H; Dương Thị Chi M và Dương Thị Kim C. Cha mẹ bà tên Hồ Văn T (đã chết) và Dương Thị H (chết năm 2012) sinh được các người con: Hồ Văn S (chết lúc nhỏ), Hồ N, Hồ Hải Viễn D, Hồ Thị Hải V, Hồ Thị M và bà là Hồ Thị Nguyệt M.

Nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp là của bà ngoại bà là Nguyễn Thị R tạo lập từ năm 1950. Bà R được ông bà cắt cho riêng diện tích đất để làm nhà ở như hiện nay thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 02 đo vẽ năm 2000. Năm 1989 Nhà nước mở rộng đường Q trúng nhà của bà R (lúc đó là nhà số 136 Q). Sau khi giao đất cho Nhà nước làm đường thì đất của bà R còn lại rất hẹp nên bà R có thống nhất với bà Nguyễn Thị K (là em dâu bà R) có nhà đất phía sau nhà bà R là gộp đất của bà R và bà K lại và chia làm 03 thửa (mỗi thửa $60m^2 = 4\times15$) đều có mặt tiền đường Q. Việc thống nhất thỏa thuận này được UBND phường L, thị xã Q lập biên bản vào ngày 01-4-1989. Theo biên bản này thì chia cho bà R 02 lô ở phía Nam, bà K 01 lô ở phía Bắc. Sau khi nhận đất, bà R bán 01 thửa ở phía Nam lấy tiền xây dựng mới 02 ngôi nhà trên 02 lô đất còn lại chính là nhà số 16 Q của bà R và nhà số 14 Q của bà K (hiện nay vợ chồng ông Lê Hồng T và bà Dương Thị Ngọc T đang ở). Từ trước đến nay mẹ bà là Dương Thị H cùng các anh chị em bà cùng ở chung với bà R tại ngôi nhà này. Khi bà R chết thì mẹ bà cùng các anh, chị, em bà vẫn sống tại ngôi nhà này cho đến khi các anh, chị, em bà lập gia đình ở riêng, còn bà vẫn sống tại ngôi nhà này mãi đến nay. Việc đóng góp, xây dựng, sửa chữa nhà số 16 Q của gia đình bà thì bà không có căn cứ chứng minh.

Ông Dương Quang S khởi kiện yêu cầu bà trả lại nhà số 16 Q bà không chấp nhận. Vì hàng thừa kế của ông S cũng như bà, ông S không có căn cứ nào chứng minh nhà số 16 Q là của ông, bà M cùng gia đình đã sống từ trước đến nay tại ngôi nhà này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Hồ N, Hồ Hải Viễn D, Hồ Thị Hải V và Hồ Thị M trình bày:

Các ông, bà là con của ông Hồ Văn T (đã chết) và Dương Thị H (chết năm 2012). Các ông, bà gọi ông Dương Quang S là anh con ông cậu (ông S là con của ông Dương Quang T), gọi ông Dương Minh C và bà Nguyễn Thị R là ông bà ngoại. Ông C và bà R sinh được 05 người con gồm: Ông Dương Quang T (đã chết), bà Dương Thị H (đã chết), bà Dương Thị T (đã chết), Dương Thị Chi M và Dương Thị Kim C.

Nguồn gốc ngôi nhà tại số 16 Q, thành phố Q là của bà Nguyễn Thị R. Các ông bà không có tranh chấp gì đối với ngôi nhà này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh H trình bày:

Chị là con đẻ của bà Dương Thị T (chết năm 1997). Từ lúc sinh ra cho đến nay chị sinh sống tại nhà số 16 Q cùng mẹ và gia đình bà Hồ Thị Nguyệt M. Nhà số 16 Q là của bà ngoại chị là Nguyễn Thị R, chị không có tranh chấp gì đối với ngôi nhà này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Chi M, Dương Thị Kim C trình bày:

Cha mẹ các bà là ông Dương Minh C (chết năm1988) bà Nguyễn Thị R (chết năm 2001) sinh được 05 người con gồm: Ông Dương Quang T (chết năm 1968) là cha của ông Dương Quang S; Dương Thị H (chết năm 2012) là mẹ của bà Hồ Thị Nguyệt M; Dương Thị T (chết năm 1997) là mẹ của bà Lê Thị Thanh H; Dương Thị Chi M và Dương Thị Kim C. Khi cha mẹ các bà còn sống thì sống với các con tại nhà, đất số 16 Q như hiện nay, đến năm 1975 bà R sống cùng với Dương Thị T, Dương Thị Kim C, Dương Thị Chi M, Dương Thị H và các con của bà H gồm Hồ N, Hồ Hải Viễn D, Hồ Thị M, Hồ Thị Nguyệt M, Hồ Thị Hải V cùng sinh sống tại nhà này. Khoảng năm 1978 chị T và chị H đi kinh tế mới được khoảng 3 đến 4 năm thì quay về sống cùng cha mẹ cho đến khi chị H, chị T chết. Vợ chồng ông Dương Quang T và bà Phạm Thị D sống ở nhà ông nội là Dương T (P) phía sau nhà số 16 Q, hiện nay bà D vẫn sinh sống tại nhà này.

Về nguồn gốc nhà đất số 16 Q là của ông bà nội cho cha, mẹ các bà. Trước năm 1989 là nhà cấp 4 ba gian, khi Nhà nước mở rộng đường Q thì bà R nhập chung đất của cha, mẹ các bà và đất của ông, bà nội phía sau (lúc này bà Nguyễn Thị K đang ở) chia làm 03 lô. Mẹ các bà nhận 02 lô, bà K 01 lô. Sau khi chia đất mẹ các bà bán 01 lô phía Nam lấy tiền xây 02 ngôi nhà trên 02 lô đất còn lại (tức là nhà số 14 và nhà số 16 Q như hiện nay). Ngôi nhà số 14 ở phía Bắc giao cho bà Nguyễn Thị K ở, còn ngôi nhà số 16 Q mẹ các bà ở. Trong quá trình làm nhà thì các bà, bà H, bà T và ông Dương Quang S không đóng góp gì để xây dựng nhà số 16 Q.

Ngôi nhà mà theo giấy ưng thuận ngày 12-4-1969 mà tộc họ Dương đồng ý để lại cho bà Phạm Thị D không phải là nhà số 16 Q như hiện nay. Khi cha mẹ các bà chết thì không để lại di chúc nhà đất số 16 Q cho ai. Nay ông S tranh chấp với bà M các bà không có ý kiến gì, các bà thống nhất nếu các bà có yêu cầu chia thừa kế nhà đất số 16 Q thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lê Hồng T, bà Dương Thị Ngọc T và chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Bà Nguyễn Thị R là vợ ông Dương Minh C, ông C là anh ruột của ông Dương Đập là cha của bà Dương Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị K là mẹ ruột của bà Dương Thị Ngọc T.

Nguồn gốc nhà đất tại số 14 Q, thành phố Q là của ông nội Dương T để lại cho cha mẹ là Dương Đập và Nguyễn Thị K (đều đã chết). Nhà số 14 Q là do mẹ Nguyễn Thị K và vợ chồng ông bà (T- T) cùng góp tiền xây dựng vào năm 1989 cùng lúc với nhà số 16 Q nên có vách chung ở phía Bắc nhà số 16 Q. Từ trước đến nay nhà số 14 và nhà số 16 Q vẫn sử dụng vách chung, không có tranh chấp gì. Nhà số 14 Q hiện nay đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở, số vào sổ CH 02872 ngày 27-6-2016 cho vợ chồng ông bà. Tòa án xét xử vụ án này như thế nào thì vợ chồng ông bà cũng chấp nhận, không có khiếu nại gì. Vợ chồng ông bà không yêu cầu Tòa án định giá vách chung này vì Tòa án có xét xử tuyên nhà số 16 Q cho ai thì vách nhà phía Bắc nhà số 16 vẫn là vách chung sử dụng với nhà gia đình ông, bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D trình bày:

Bà là vợ của ông Dương Quang T (chết năm 1968), là mẹ của Dương Quang S. Ngôi nhà mà tộc họ Dương để lại cho bà theo Giấy ưng thuận ngày 12-4-1969 có nguồn gốc của ông Dương T (P) mua của ông D, D1. Ngôi nhà này hiện nay bà vẫn đang quản lý, sử dụng nằm ở phía Tây nhà số 16 Q hiện nay. Nhà số 16 Q của bà Nguyễn Thị R xây dựng vào năm 1986 nằm trên diện

tích đất của tộc họ Dương. Ngôi nhà số 16 Q hiện nay không phải là ngôi nhà mà tộc họ Dương đã giao cho bà theo Giấy ưng thuận ngày 12-4-1969.

Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang S về việc yêu cầu bà Hồ Thị Nguyệt M phải trả lại quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 16 Q, phường L, thành phố Q thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 02 (đo vẽ năm 2000) có giới cận: Đông giáp đường Q, Tây giáp nhà bà Phạm Thị D, Nam giáp nhà ông Huỳnh Văn A, Bắc giáp nhà vợ chồng ông Lê Hồng T, bà Dương Thị Ngọc T.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Dương Quang S phải chịu tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ông S đã nộp và chi phí xong.

Bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 30/10/2017, nguyên đơn ông Dương Quang S có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 57/2017/DSST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tuyên buộc bà Hồ Thị Nguyệt M phải dọn đi trả nhà số 16 đường Q, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giao lại cho tộc họ Dương (ông là người được tộc họ Dương giao quản lý, thờ cúng) và buộc bà Hồ Thị Nguyệt M phải chịu 3.000.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hồ Thị Nguyệt M trình bày ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S không có chứng cứ gì mới để chứng minh ngôi nhà số 16 thuộc sở hữu của ông S và tộc họ Dương. Ông S chỉ căn cứ vào giấy ưng thuận năm 1969 là tộc họ sẽ giao ngôi nhà thờ cho ông, nhưng bà D khai ngôi nhà số 16 không phải là ngôi nhà trong giấy ưng thuận năm 1969. Biên bản giải quyết tại Ủy ban nhân dân phường L năm 1989 ghi: *Nhà bà R xây dựng năm 1950, sau khi sửa chữa làm lại (năm 1989) thì bà R có toàn quyền định đoạt*. Như vậy, ngôi nhà số 16 đường Q là di sản của cụ R và cụ C. Ông S không đăng ký kê khai, không có tài kiệu, chứng cứ ngôi nhà số 16 đường Q thuộc quyền sở hữu của mình, cũng như không được thừa kế lại, do đó bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2017/DSST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngôi nhà số 16 có nguồn gốc của cụ R, ông S khai ngôi nhà số 16 có nguồn gốc của ông bà để lại cho ông, nhưng ông không có căn cứ chứng minh cho lời khai của mình. Giấy ưng thuận năm 1969 không liên quan đến ngôi nhà số 16. Biên bản giải quyết tại Uỷ ban nhân dân phường L năm 1989 xác định ngôi nhà số 16 thuộc quyền sở hữu của cụ R. Ông S không ở với cụ R, không có giấy tờ được giao sở hữu ngôi nhà này, nên bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông S là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DSST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296 vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Dương Quang S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên buộc bà Hồ Thị Nguyệt M phải dọn đi trả nhà số 16 đường Q, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giao lại cho tộc họ Dương (ông là người được tộc họ Dương giao quản lý, thờ cúng), Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Dương Quang S gọi cụ Nguyễn Thị R bằng bà nội, bà Hồ Thị Nguyệt M gọi cụ Nguyễn Thị R bằng bà ngoại, ông S không ở cùng cụ R, ông có nhà riêng tại số 12 Q, thành phố Q. Bà Dương Thị H (mẹ bà Hồ Thị Nguyệt M) sống chung với bà R tại ngôi nhà số 16 Q đến khi cụ R, bà H chết thì bà M vẫn sống tại ngôi nhà này. Ngôi nhà số 16 đường Q, thành phố Q là của cụ Nguyễn Thị R xây dựng vào năm 1989. Do đó, đây di sản của vợ chồng cụ Dương Minh C và cụ Nguyễn Thị R chết để lại.

[2.2] Ông S căn cứ vào giấy ưng thuận ngày 12/4/1969 có nội dung là tộc họ Dương sẽ để lại ngôi nhà thờ cho bà Phạm Thị D (mẹ ông Dương Quang S), sau này bà Phạm Thị D chỉ có quyền trao lại ngôi nhà này cho Dương Quang S và

Phạm Thị Ngọc S (em ông S, chết năm 1972) để hương khói cho ông bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà D khai ngôi nhà thờ để lại theo giấy ưng thuận ngày 12/4/1969 không phải ngôi nhà số 16 Q mà ông S tranh chấp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2017, ông S thừa nhận ngôi nhà mà tộc họ Dương để lại cho mẹ ông là bà Phạm Thị D như trong giấy ưng thuận ngày 12/4/1969 không phải là ngôi nhà số 16 Q, mà là ngôi nhà nằm phía sau ngôi nhà số 16 Q, hiện nay mẹ ông là bà Phạm Thị D vẫn đang ở, quản lý và sử dụng, ngôi nhà này có từ khi tộc họ Dương cho mẹ ông mãi đến giờ, còn ngôi nhà số 16 Q được xây dựng vào năm 1989. Biên bản giải quyết thỏa thuận sửa chữa nhà của cụ Nguyễn Thị R và cụ Nguyễn Thị K ngày 01/4/1989 của Ủy ban nhân dân phường L ghi như sau: "*Bà R xin cam kết là ngôi nhà bà tự xây dựng từ năm 1950 quản lý và sử dụng cho đến nay, xây dựng trên đất tư của gia đình…Bà Nguyễn Thị R và bà Nguyễn Thị K cùng tộc họ tự nguyện nhất trí sau khi phân chia làm 03 lô…thì mỗi người được toàn quyền quản lý sử dụng, sau này xin phép chính quyền mua bán, sửa chữa, đổi chác, chuyển nhượng quyền sử dụng cho ai thì tùy ý và được toàn quyền sử dụng, không ai được tranh cãi điều gì"*. Như vậy, ngôi nhà số 16 đường Q không phải là nhà thờ, cúng của dòng họ Dương như lời khai của ông S. Ngôi nhà này ông S không được cụ Nguyễn Thị R tặng, cho, không có di chúc để lại thừa kế cho ông, ông cũng không góp tiền cùng cụ Nguyễn Thị R xây dựng nhà số 16 Q, thành phố Q, ông S cũng không đăng ký, kê khai, nộp thuế, tộc họ Dương cũng không có giấy tờ ủy quyền cho ông kiện đòi lại nhà số 16 cho tộc họ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Dương Quang S) về việc buộc bà Hồ Thị Nguyệt M trả cho ông ngôi nhà số 16 đường Q, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là đúng pháp luật, ông S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của ông Dương Quang S về việc buộc bà Hồ Thị Nguyệt M phải chịu 3.000.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo đơn khởi kiện của ông Dương Quang S yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị Nguyệt M phải trả lại ngôi nhà, đất tại số 16 đường Q, thành phố Q cho ông để ông thờ cúng ông bà. Nhưng yêu cầu của ông không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu 3.000.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên không chấp nhận kháng cáo này của ông.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Quang S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Quang S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi về việc: "*Tranh chấp đòi lại quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất",*giữa:

- Nguyên đơn: Ông Dương Quang S;

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Nguyệt M.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Quang S phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do bà Huỳnh Thị Tuyết M nộp thay) theo biên lai số 0001813 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Minh Tiến